TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẠC LIÊU** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 238/2020/QĐST-HNGĐ	*Bạc Liêu, ngày 23 tháng 10 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 353/2020/TLST – HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn: Anh Trần Tuấn A, sinh năm 1990

Địa chỉ: Số S, Khóm T, Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1992

Địa chỉ: Số S, Khóm T, Phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 10 năm 2020.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 10 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Trần Tuấn A và chị Nguyễn Thị Phương H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Anh Trần Tuấn A và chị Nguyễn Thị Phương H thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Quá trình chung sống có ba con chung tên Trần Tuấn L, sinh ngày 11/4/2008, Trần Gia B, sinh ngày 09/8/2012, Trần Bảo A, sinh ngày 01/10/2018. Cháu L và B đang sống chung với anh A, cháu A đang sống cùng chị H. Giao con chung là cháu L và cháu B cho anh A trực tiếp nuôi dưỡng, giao con

chung là cháu A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh A và chị H không cấp dưỡng nuôi con do anh A và chị H không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị Phương H được quyền thăm nom con chung là cháu L và cháu B; anh Trần Tuấn A được quyền thăm nom con chung là cháu A, không ai được phép ngăn cản.

- Về tài sản chung; Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Trần Tuấn A và chị Nguyễn Thị Phương H mỗi người phải chịu 75.000 đồng. Anh A tự nguyện chịu thay án phí cho chị H. Do đó, anh A phải chịu 150.000 đồng. Anh A đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0007091 ngày 06/10/2020 tại Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí 150.000 đồng, được hoàn lại số tiền 150.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu.

- Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP.Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Hồng Lam